

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 3 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lưu Xuân T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lưu Xuân T trình bày: Anh T và chị N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 22/02/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, ít quan tâm chăm sóc tới nhau nên vợ chồng thường xuyên xô xát với nhau. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên chị N đã tự ý về nhà bố mẹ đẻ ở sau đó đi làm xa, thi thoảng mới về nhà. Nay

anh T xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ do vậy anh T yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi con, do vậy anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2005 có đăng ký hôn tại UBND xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác anh T lại hay ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên xô xát với nhau. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng, sau đó chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở B, Tiên Lãng ở một thời gian rồi đi làm xa nhà, thi thoảng mới về. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn với anh T vì hai bên không còn tình cảm và không thể đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx. Do công việc thường xuyên phải xa nhà nên chị N nhất trí để anh T nuôi cả 02 con. Phần cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc và tình hình dịch bệnh phức tạp nên chị N không thể trực tiếp đến Toà án để làm việc, đồng thời xin vắng mặt tại phiên toà. Chị N đề nghị Toà án giao các văn bản tố tụng của Toà án cho chị thông qua bố chị là ông Nguyễn Quang V, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình, kết quả cho thấy: Anh T và chị N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống được khoảng 06 năm đến 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên sau đó chị N đi khỏi địa phương, không có mặt ở nhà. Nay anh T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Toà án xem xét chấp nhận.

Anh T, chị N có 02 con chung, từ khi chị N đi khỏi địa phương, anh T là người trực tiếp nuôi cả 02 con. Anh T làm nghề sơn, bà có mức thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng một tháng.

Ông Nguyễn Quang V (Bố đẻ chị N) trình bày: Anh T và chị N chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

không hợp nhau, mặt khác anh T lại thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông với chị N. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng, chị N đã có thời gian về nhà ông V ở, sau đó vì công việc chị N sống xa gia đình, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về nhà. Ông V xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị N đã trầm trọng, không thể đoàn tụ do vậy ông đề nghị Toà án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị N và giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lưu Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lưu Xuân T có yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị N, nơi cư trú tại: Thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Lưu Xuân T và chị Nguyễn Thị N tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T chị N đã trầm trọng, hai người đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lưu Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[4] Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx. Anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, chị N nhất trí giao con cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, anh T là người có thu nhập và chỗ ở ổn định, thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi cả 02 con, trong khi đó chị N do tính chất công việc thường xuyên phải xa nhà. Do vậy việc giao cả 02 con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi cũng như nguyện vọng của con. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên: Giao cả 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx cho anh T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Lưu Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung là Lưu Cảnh L, sinh ngày 21/01/20xx và Lưu Thị Bảo Q, sinh ngày 13/9/20xx cho anh T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con hai bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền này, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006144 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện T;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Nhòng

Nguyễn Hữu Bình

Nguyễn Văn Chính